

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 3539/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 17/5/2013 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy Hydra Việt Nam tại Lô số 05B, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam và Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy Hydra Việt Nam;

Xét Văn bản số 0512/HĐVN ngày 05/12/2022 của Công ty TNHH Hydra Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường Cơ sở Nhà máy Hydra Việt Nam, Văn bản số 0701/HĐVN ngày 07/01/2023 về việc chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở và các hồ sơ pháp lý liên quan kèm theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 03/TTr-CCBVMT ngày 13/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hydra Việt Nam, địa chỉ tại Lô số 05B, Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Nhà máy Hydra Việt Nam tại Lô số 05B, Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Nhà máy Hydra Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô số 05B, Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc,

th. m

phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

1.3. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hydra Việt Nam mã số 4000838751 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/12/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 05/02/2020; Giấy chứng nhận Đăng ký đầu tư mã số Dự án 8767544165 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, chứng nhận lần đầu ngày 19/12/2011, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 20/3/2020.

1.4. Mã số thuế: 4000838751.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các loại tụ điện có lớp phủ và tụ điện đúc nhựa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Phạm vi của Cơ sở: Cơ sở có tổng diện tích đất là 15.000m² tại Lô 05B, Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Quy mô Cơ sở: Thuộc dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất hoạt động của Cơ sở: 16.082.225 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Yêu cầu về quản lý nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hydra Việt Nam.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hydra Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình thu gom, xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm

Ưu

thiếu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 (bảy) năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giấy phép môi trường của Cơ sở là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Cơ sở./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Ban quản lý các Khu kinh tế và KCN tỉnh;
- Công ty CP Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Quảng Nam - Đà Nẵng;
- UBND thị xã Điện Bàn;
- Phòng TN&MT thị xã Điện Bàn;
- Cổng thông tin điện tử của Sở TN&MT tỉnh Quảng Nam (<https://stnmt.quangnam.gov.vn>);
- Lưu: VT, website, BVMT.

D:\Dropbox\DONRE\7. Giấy phép môi trường\Năm 2023\
1. Công ty Hydra Việt Nam\8. Giấy phép MT Hydra.doc

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Như Toàn

Handwritten signature/initials at the bottom right corner.

Phụ lục 1**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 33../GPMT-STNMT ngày 16../04/2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (nước thải sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc để tiếp tục xử lý, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Cơ sở đã ký Hợp đồng số 21-2023/HĐXLNT ngày 26/12/2022 với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Quảng Nam - Đà Nẵng (đơn vị đầu tư và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc) để thu gom, xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được thiết kế tách biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom, đầu nối nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Nước thải sản xuất phát sinh tại công đoạn rửa sản phẩm trước khi in được thu gom theo đường ống nhựa PVC D200mm dài 40m tự chảy vào hệ thống thu gom nước thải chung của Cơ sở.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở bao gồm nước thải từ nhà vệ sinh; nước thải từ quá trình tắm rửa, vệ sinh chân tay của cán bộ công nhân viên; nước thải từ nhà ăn, được thu gom, xử lý như sau:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn (tại Cơ sở bố trí 04 bể tự hoại với dung tích 16,7 m³/bể), sau đó theo đường ống nhựa HDPE Ø114mm với tổng chiều dài 4m tự chảy vào hệ thống thu gom nước thải chung của Cơ sở.

+ Nước thải từ nhà ăn tự chảy qua bể tách mỡ (dung tích 0,2 m³) để tách dầu mỡ, phần nước sẽ theo đường ống nhựa HDPE Ø114mm với tổng chiều dài 2m tự chảy vào hệ thống thu gom nước thải chung của Cơ sở. Dầu mỡ thải được thu gom và xử lý như đối với chất thải rắn sinh hoạt thông thường.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh chân tay của cán bộ công nhân viên theo đường ống nhựa HDPE Ø114mm dài 8m và tự chảy vào hệ thống thu gom nước thải chung của Cơ sở.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ và nước thải sản xuất của

Cơ sở tự chảy vào hệ thống thu gom nước thải chung của Cơ sở có kết cấu ống nhựa PVC D200mm với tổng chiều dài 181m dẫn về hố ga cuối cùng, sau đó nước thải tự chảy về hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc tại vị trí có tọa độ (theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X(m): 1763431; Y(m): 555015.

1.2. Công trình xử lý nước thải:

- Cơ sở đã xây dựng 04 bể tự hoại với dung tích $16,7 \text{ m}^3/\text{bể}$ (01 bể tại khu vực nhà ăn, 01 bể tại khu vực văn phòng, 01 bể tại khu vực nhà xưởng, 01 bể tại nhà bảo vệ) để xử lý sơ bộ nước thải từ các nhà vệ sinh.

- Cơ sở đã xây dựng 01 bể tách mỡ với dung tích $0,2 \text{ m}^3$ để xử lý sơ bộ nước thải từ nhà ăn.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Cơ sở không có công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải mà chỉ áp dụng các biện pháp giảm thiểu.

- Thường xuyên nạo vét và kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thoát nước để tăng khả năng thoát nước.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án tại số 375/GXN-STNMT ngày 07/4/2015. Theo quy định tại Khoản 4, Điều 31 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì Cơ sở Nhà máy Hydra Việt Nam không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom toàn bộ nước thải của Cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải sơ bộ của Cơ sở.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam, Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam, UBND thị xã Điện Bàn, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Điện Bàn và các cơ quan có liên quan.

th

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .33../GPMT-STNMT ngày 16./01./2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn cuộn dây và hàn kềm của Cơ sở.

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng của Cơ sở.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Cơ sở có 02 dòng khí thải, cụ thể:

- Dòng khí thải số 01 tương ứng ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải, tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X(m): 1763527; Y(m): 555042.

- Dòng khí thải số 02 tương ứng ống khói máy phát điện dự phòng có tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X(m): 1763499; Y(m): 555077.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: $25.000\text{m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 02: Không xác định.

2.3. Phương thức xả khí thải, chế độ xả khí thải:

- Phương thức xả khí thải: Tự phát thải.

- Chế độ xả khí thải:

+ Dòng khí thải số 01: 24 giờ/ngày.đêm, thời gian xả liên tục trong năm.

+ Dòng khí thải số 02: không liên tục, phát thải khi hoạt động.

- Vị trí nguồn tiếp nhận: Môi trường không khí xung quanh.

2.4. Chất lượng khí thải:

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_p = 0,9$; $K_v = 1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

STT	Tác nhân ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
I	Dòng khí thải số 01		

lhu

1	Kẽm và hợp chất kẽm, tính theo Zn	mg/Nm ³	27
II	Dòng khí thải số 02		
	Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng dầu là DO), chỉ xả thải khi hoạt động; không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu sử dụng phải đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.		

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải (bụi kẽm) phát sinh từ công đoạn cuộn dây và hàn kẽm.
- Khí thải từ máy phát điện dự phòng xả ra môi trường qua 01 ống thải riêng của 01 máy phát điện dự phòng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn cuộn dây và hàn kẽm:

- Cơ sở đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải để xử lý bụi kẽm phát sinh của Cơ sở đồng bộ với dây chuyền sản xuất, quy trình công nghệ như sau: Khí thải → Chụp hút → Hệ thống lọc bụi túi vải (05 túi vải) → Ống thoát khí (chiều cao 10m, đường kính 300mm). Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 0,9$; $K_v = 1$) được xả ra môi trường không khí xung quanh Cơ sở tại Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc.

- Chế độ vận hành: Đồng bộ với quá trình sản xuất.

1.2.2. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng: Khí thải → Ống thoát khí.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Cơ sở không có công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải, đề nghị áp dụng các biện pháp sau:

- Xây dựng quy trình làm việc phù hợp và tổ chức giám sát việc tuân thủ quy trình.

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị xử lý khí thải, theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm sự ổn định của hệ thống.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa thời

th lu

gian dài, phải dừng sản xuất cho đến khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí; đồng thời báo cáo cơ quan chức năng để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Biện pháp giảm thiểu đối với bụi và khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông

Thực hiện bê tông hóa đường giao thông nội bộ, quét dọn vệ sinh khuôn viên nhà máy, điều tiết xe ra vào hợp lý, quy định tốc độ và vị trí đỗ xe, trồng cây xanh trong khu vực nhà máy.

3. Biện pháp giảm thiểu bụi và hơi khí thải tại các công đoạn hàn, đúc, cắt:

Cơ sở lắp đặt hệ thống thông gió tại chỗ gồm các chụp hút và 02 quạt hút (công suất 5,5 kW/quạt) để thông gió cưỡng bức cho các khu vực, tạo môi trường làm việc thông thoáng cho công nhân.

4. Biện pháp giảm thiểu hơi hóa chất phát sinh từ quá trình làm sạch, sấy tụ MKP-Si:

- Lắp đặt thiết bị và xây dựng các hạng mục cho nhà xưởng theo đúng quy trình về an toàn, vệ sinh công nghiệp, đảm bảo duy trì độ thông thoáng cần thiết bằng biện pháp thông gió tự nhiên và quạt mát cục bộ (số lượng 06 cái, công suất 3kW/quạt).

- Dọn dẹp, vệ sinh thường xuyên để hạn chế phát sinh bụi.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên: khẩu trang, bao tay, quần áo bảo hộ...

5. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở đã có Giấy xác nhận số 375/GXN-STNMT do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 07/4/2015. Theo Khoản 4, Điều 31, Nghị định 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì Nhà máy Hydra Việt Nam không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở sau khi được cấp giấy phép môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

6.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; thực hiện đúng các cam kết đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi thông số không đạt yêu cầu theo quy định và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

6.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải theo quy định.

th

6.3. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về hoạt động xả khí thải ra môi trường khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

6.4. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động xả khí thải của mình gây ra theo quy định. Bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xả khí thải trái phép gây ra.

6.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam, Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam, UBND thị xã Điện Bàn, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Điện Bàn và các cơ quan chức năng có liên quan. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới số lượng, chất lượng khí thải và môi trường do việc xả khí thải gây ra.

W 2h

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 33./GPMT-STNMT ngày 16/04/2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ 01 nguồn là khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại khu vực máy phát điện dự phòng của Cơ sở tại vị trí có tọa độ (theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X(m): 1763499; Y(m): 555077.

3. Giá trị giới hạn:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường
2	55	45	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Ghi chú
1	70	60	Khu vực thông thường
2	60	55	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy móc, thiết bị được lắp đặt nệm cao su để giảm ồn và chống rung.
- Vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình kỹ thuật, đúng công suất hoạt động.
- Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc, đặc biệt là các loại máy móc phát sinh tiếng ồn lớn, tra dầu mỡ, bôi trơn các ổ trục, thay thế các thiết bị hư hỏng để hạn chế tiếng ồn.

Handwritten signature

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ cho công nhân: nút bịt tai, găng tay, mũ bảo hộ...

- Trồng cây xanh quanh tường rào Cơ sở nhằm tạo dải cách ly, hạn chế lan truyền tiếng ồn ra khu vực lân cận.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.33./GPMT-STNMT ngày.16/01./2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Cơ sở phát sinh các loại chất thải nguy hại (CTNH) thường xuyên với khối lượng như sau:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	17 06 01	20
2	Bao bì mềm (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	5.000
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02	1.000
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	200
5	Bao bì cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 04	500
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 02	9.500
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	50
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	500
9	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ	Lỏng	19 12 03	250
10	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất)	Rắn	08 02 04	10
11	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	Rắn	19 02 06	7.000
				24.030

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Chất thải rắn sản xuất phát sinh tại nhà máy chủ yếu là: bụi kẽm thu từ hệ thống lọc bụi kẽm, pallet thải, bao bì đựng nguyên liệu,... với khối lượng trung bình khoảng 2.000 kg/tháng.

th/th

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy bao gồm: giấy vụn, thùng carton, các vật dụng bằng thủy tinh, nhựa không còn sử dụng, thức ăn thừa... với tổng khối lượng trung bình khoảng 4.450 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với CTNH dạng lỏng (dầu thải): thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy kín sau đó tập kết về kho lưu giữ CTNH.

- Đối với các CTNH rắn (giẻ lau thải dính thành phần nguy hại, túi lọc kẽm, bóng đèn huỳnh quang thải...): thu gom vào các thùng chứa có dán mã CTNH, biển cảnh báo và bố trí trong kho giữ CTNH.

2.1.2. Kho lưu giữ CTNH:

- Diện tích kho lưu giữ CTNH: 29m², nằm ở phía Nam của Cơ sở.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa CTNH: Có biển cảnh báo, mái lợp tôn, tường bao bằng gạch và tôn, nền đổ bê tông, có rãnh thu nước thải xung quanh và gờ chống tràn, có tên, mã CTNH và biển cảnh báo trên các thùng chứa.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu giữ:

- Pallet thải, bao bì được đưa về kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Bụi kẽm thu hồi được lưu giữ trong các thùng chứa và vận chuyển về cảng để tái xuất lại cho Công ty mẹ (Công ty Hydra A.S, Cộng hoà Séc).

2.2.2. Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: 116m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: mái lợp tôn, tường bao bằng gạch, nền đổ bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu giữ:

Trang bị các thùng rác dung tích 20 lít, 60 lít và 240 lít bố trí tại khu vực nhà ăn, văn phòng, các phân xưởng sản xuất và trên tuyến đường giao thông nội bộ.

2.3.2. Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: 29 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: mái lợp tôn, tường

lu th

bao bằng gạch và tôn, nền đổ bê tông.

3. Một số yêu cầu khác

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với chương trình, kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn của tỉnh ban hành theo từng thời kỳ phát triển (Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025 được UBND tỉnh Quảng Nam ban hành tại Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022).

- Thực hiện nguyên tắc quản lý chất thải rắn sinh hoạt là tận dụng tối đa giá trị của sản phẩm thải bỏ, chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thông qua việc áp dụng các giải pháp theo thứ tự ưu tiên như sau:

(1) Tái sử dụng sản phẩm thải bỏ;

(2) Sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì hoặc nâng cấp sản phẩm bị lỗi, sản phẩm cũ để kéo dài thời gian sử dụng;

(3) Tận dụng thành phần, linh kiện của sản phẩm thải bỏ;

(4) Chuyển giao đưa đi xử lý theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

th uu

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 33../GPMT-STNMT ngày 16/01/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam)

A. YÊU CẦU VỀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU ĐỐI VỚI NƯỚC MƯA

- Nước mưa từ mái nhà xưởng, văn phòng được thu gom bằng hệ thống ống sênô Ø90mm với tổng chiều dài 73,5m, sau đó tự chảy vào hệ thống thoát nước mưa chung của Cơ sở.

- Nước mưa chảy tràn tại các khu vực khác theo độ dốc mặt bằng tự chảy vào hệ thống thoát nước mưa chung của Cơ sở.

- Hệ thống thoát nước mưa chung của Cơ sở là các đường ống bê tông D600mm với tổng chiều dài 153m và các mương bê tông B500mm với tổng chiều dài 205m, được xây ngầm dưới đất, bố trí dọc theo đường nội bộ bao quanh Cơ sở, dọc tuyến có bố trí các hố ga lắng cặn trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc tại 02 vị trí có tọa độ (theo hệ VN:2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, vĩ tuyến 3°) lần lượt như sau:

Vị trí 1: X(m): 1763518; Y(m): 555987.

Vị trí 2: X(m): 1763508; Y(m): 55499.

Cơ sở bố trí 22 hố ga để lắng cặn/cát trong quá trình thoát nước mưa, trên bề mặt hố ga bố trí song chắn rác (dạng tấm thép) để tách rác. Các hố ga cách nhau từ 5m đến 23m.

Ngoài ra, Cơ sở thường xuyên nạo vét hố ga, mương thoát nước (nhất là mùa mưa) để tăng khả năng thoát nước mưa tại Cơ sở.

B. YÊU CẦU VỀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU ĐỐI VỚI MÙI HÔI

Bố trí nhân viên dọn dẹp, vệ sinh hằng ngày; các thùng chứa rác được trang bị đều có nắp đậy kín tránh phát tán mùi hôi; định kỳ vận chuyển, xử lý chất thải theo đúng quy định.

C. YÊU CẦU KHÁC

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả hoạt động.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.



Handwritten signature

5. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ.

6. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

7. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Chủ Cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp lệ của các số liệu, văn bản, tài liệu trong Hồ sơ báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở.

9. Chủ Cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./

Chu 26